

ĐỀ THI THỬ ĐẠI HỌC MÔN TOÁN**PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ CÁC THÍ SINH (07 điểm)****Câu I**

2,0điểm) Cho hàm số $y = f(x) = x^4 + 2(m-2)x^2 + m^2 - 5m + 5$

1/ Khảo sát sự biến thiên và vẽ đồ thị (C) hàm số với $m = 1$

2/ Tìm các giá trị của m để đồ thị hàm số có các điểm cực đại, cực tiểu tạo thành 1 tam giác vuông cân.

Câu II(2.0điểm) 1/ Giải hệ phương trình:
$$\begin{cases} x + y + \sqrt{x^2 - y^2} = 12 \\ y\sqrt{x^2 - y^2} = 12 \end{cases}$$

2/ Giải bất phương trình: $\sqrt{\log_2^2 x - \log_2 x^2 - 3} > \sqrt{5}(\log_4 x^2 - 3)$

Câu III (1.0 điểm) Tìm $x \in (0; \pi)$ thỏa mãn phương trình: $\cot x - 1 = \frac{\cos 2x}{1 + \tan x} + \sin^2 x - \frac{1}{2} \sin 2x$.

Câu IV(1.0 điểm) Tính tích phân: $I = \int_0^{\frac{\pi}{2}} \cos^2 x \cos 2x dx$

Câu V(1.0 điểm) Cho hình chóp $S.ABC$ có $AB = AC = a$, $BC = \frac{a}{2}$, $SA = a\sqrt{3}$, $\angle SAB = \angle SAC = 30^\circ$.

Gọi M là trung điểm SA , chứng minh $SA \perp (MBC)$. Tính V_{SMB}

PHẦN RIÊNG CHO TỪNG CHƯƠNG TRÌNH (03 điểm)

(Thí sinh chỉ chọn một trong hai chương trình Chuẩn hoặc Nâng cao để làm bài.)

A/ Phần đề bài theo chương trình chuẩn

Câu VI.a: (2.0điểm)

1, Trong mặt phẳng tọa độ Oxy cho ΔABC có đỉnh $A(1;2)$, đường trung tuyến $BM: 2x + y + 1 = 0$ và phân giác trong $CD: x + y - 1 = 0$. Viết phương trình đường thẳng BC .

2, Cho $P(x) = (1 + x + x^2 + x^3)^5 = a_0 + a_1x + a_2x^2 + a_3x^3 + \dots + a_{15}x^{15}$

a) Tính $S = a_0 + a_1 + a_2 + a_3 + \dots + a_{15}$

b) Tìm hệ số a_{10} .

Câu VII.a: (1,0điểm) Trong không gian Oxyz cho hai điểm $A(-1;3;-2)$, $B(-3,7,-18)$ và mặt phẳng

(P): $2x - y + z + 1 = 0$. Viết phương trình mặt phẳng chứa AB và vuông góc với mp (P).

B/ Phần đề bài theo chương trình nâng cao

Câu VI.b: (2 điểm)

1, Cho hình bình hành $ABCD$ có diện tích bằng 4. Biết $A(1;0)$, $B(0;2)$ và giao điểm I của hai đường chéo nằm trên đường thẳng $y = x$. Tìm tọa độ đỉnh C và D .

2, Cho $P(x) = (1 + x + x^2 + x^3)^5 = a_0 + a_1x + a_2x^2 + a_3x^3 + \dots + a_{15}x^{15}$

a) Tính $S = a_0 + a_1 + a_2 + a_3 + \dots + a_{15}$

b) Tìm hệ số a_{10} .

Câu VII.b: (1.0 điểm) Cho hàm số $y = \frac{x^2 - 2x + 2}{x - 1}$ (C) và $d_1: y = -x + m, d_2: y = x + 3$.

Tìm tất cả các giá trị của m để (C) cắt d_1 tại 2 điểm phân biệt A, B đối xứng nhau qua d_2 .

***** Hết *****

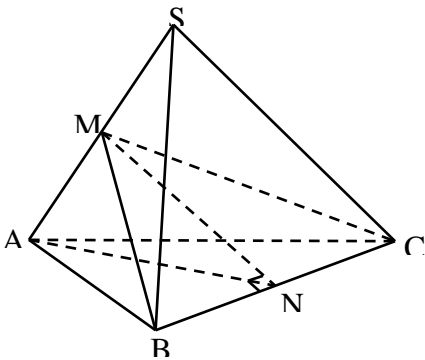
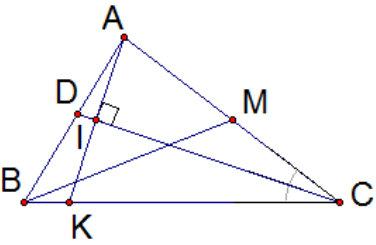
ĐÁP ÁN

MỖN TOỖN LỖP 12- 2009-2010

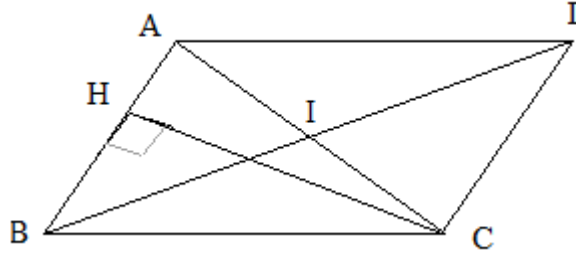
Câu	ý	Hướng dẫn giải chi tiết	Điểm																						
PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ CÁC THÍ SINH			7.00																						
Câu I			2																						
	1	Cho hàm số $f(x) = x^4 + 2(m - 2)x^2 + m^2 - 5m + 5$ (C) Khảo sát sự biến thiên và vẽ đồ thị hàm số với $m = 1$	1																						
		1* TXĐ: $D = R$ 2* Sự biến thiên của hàm số: * Giới hạn tại vô cực: $\lim_{x \rightarrow -\infty} f(x) = +\infty; \lim_{x \rightarrow +\infty} f(x) = +\infty$	0.25																						
		* Bảng biến thiên: $f'(x) = y' = 4x^3 - 4x = 4x(x^2 - 1)$ $y' = 0 \Leftrightarrow x = 0; x = -1; x = 1$ <table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;">x</td> <td style="padding: 5px;">$-\infty$</td> <td style="padding: 5px;">-1</td> <td style="padding: 5px;">0</td> <td style="padding: 5px;">1</td> <td style="padding: 5px;">$+\infty$</td> </tr> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;">y'</td> <td style="padding: 5px;">-</td> <td style="padding: 5px;">0</td> <td style="padding: 5px;">+</td> <td style="padding: 5px;">0</td> <td style="padding: 5px;">+</td> </tr> </table> <table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="border-right: 1px solid black; padding: 5px;">y</td> <td style="padding: 5px;">$+\infty$</td> <td style="padding: 5px;">↘</td> <td style="padding: 5px;">0</td> <td style="padding: 5px;">↗</td> <td style="padding: 5px;">1</td> <td style="padding: 5px;">↘</td> <td style="padding: 5px;">0</td> <td style="padding: 5px;">↗</td> <td style="padding: 5px;">$+\infty$</td> </tr> </table> Hàm số đồng biến trên mỗi khoảng $(-1; 0)$ và $(1; +\infty)$, nghịch biến trên mỗi khoảng $(-\infty; -1)$ và $(0; 1)$ Hàm số đạt cực tiểu tại $x = \pm 1; y_{CT} = 0$, đạt cực đại tại $x = 0; y_{CD} = 1$	x	$-\infty$	-1	0	1	$+\infty$	y'	-	0	+	0	+	y	$+\infty$	↘	0	↗	1	↘	0	↗	$+\infty$	0.5
x	$-\infty$	-1	0	1	$+\infty$																				
y'	-	0	+	0	+																				
y	$+\infty$	↘	0	↗	1	↘	0	↗	$+\infty$																
		3* Đồ thị: * Điểm uốn: $y'' = 12x^2 - 4$, các điểm uốn là: $U_1\left(-\frac{\sqrt{3}}{3}; \frac{4}{9}\right), U_2\left(\frac{\sqrt{3}}{3}; \frac{4}{9}\right)$ * Giao điểm với các trục tọa độ: A(0; 1), B(-1; 0) và C(1; 0) * Hàm số là chẵn trên R nên đồ thị nhận trục Oy làm trục đối xứng * Đồ thị:	0.25																						

2	<p>Tìm các giá trị của m để (C) có các điểm cực đại, cực tiểu tạo thành 1 tam giác vuông cân.</p> <p>* Ta có $f'(x) = 4x^3 + 4(m-2)x = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} x = 0 \\ x^2 = 2 - m \end{cases}$</p> <p>* Hàm số có CĐ, CT khi $f'(x)=0$ có 3 nghiệm phân biệt và đổi dấu : $m < 2$ (1) . Toạ độ các điểm cực trị là: $A(0; m^2 - 5m + 5), B(\sqrt{2 - m}; 1 - m), C(-\sqrt{2 - m}; 1 - m)$</p> <p>* Do tam giác ABC luôn cân tại A, nên bài toán thỏa mãn khi vuông tại A: $\overline{AB} \cdot \overline{AC} = 0 \Leftrightarrow (m - 2)^3 = -1 \Leftrightarrow m = 1$ vì đk (1) Trong đó $\overline{AB} = (\sqrt{2 - m}; -m^2 + 4m - 4), \overline{AC} = (-\sqrt{2 - m}; -m^2 + 4m - 4)$ Vậy giá trị cần tìm của m là $m = 1$.</p>	<p>1</p> <p>0.25</p> <p>0.5</p> <p>0.25</p>
Câu II		2
1	<p>Giải hệ phương trình: $\begin{cases} x + y + \sqrt{x^2 - y^2} = 12 \\ y\sqrt{x^2 - y^2} = 12 \end{cases}$</p> <p>* Điều kiện: $x \geq y$</p> <p>Đặt $\begin{cases} u = \sqrt{x^2 - y^2}; u \geq 0 \\ v = x + y \end{cases}$; $x = -y$ không thỏa hệ nên xét $x \neq -y$ ta có</p> <p>$y = \frac{1}{2} \left(v - \frac{u^2}{v} \right)$. Hệ phương trình đã cho có dạng: $\begin{cases} u + v = 12 \\ \frac{u}{2} \left(v - \frac{u^2}{v} \right) = 12 \end{cases}$</p> <p>$\Leftrightarrow \begin{cases} u = 4 \\ v = 8 \end{cases}$ hoặc $\begin{cases} u = 3 \\ v = 9 \end{cases}$</p> <p>+ $\begin{cases} u = 4 \\ v = 8 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} \sqrt{x^2 - y^2} = 4 \\ x + y = 8 \end{cases}$ (I) + $\begin{cases} u = 3 \\ v = 9 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} \sqrt{x^2 - y^2} = 3 \\ x + y = 9 \end{cases}$ (II)</p> <p>Giải hệ (I), (II).</p> <p>Sau đó hợp các kết quả lại, ta được tập nghiệm của hệ phương trình ban đầu là $S = \{(5; 3), (5; 4)\}$</p>	<p>1</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p>
2	<p>Giải bất ph-ong trình : $\sqrt{\log_2^2 x - \log_2 x^2 - 3} > \sqrt{5}(\log_4 x^2 - 3)$</p> <p>ĐK: $\begin{cases} x > 0 \\ \log_2^2 x - \log_2 x^2 - 3 \geq 0 \end{cases}$</p> <p>Bất ph-ong trình đã cho t-ong đ-ong với</p> <p>$\sqrt{\log_2^2 x - \log_2 x^2 - 3} > \sqrt{5}(\log_2 x - 3)$ (1)</p> <p>đặt $t = \log_2 x$,</p> <p>BPT (1) $\Leftrightarrow \sqrt{t^2 - 2t - 3} > \sqrt{5}(t - 3) \Leftrightarrow \sqrt{(t - 3)(t + 1)} > \sqrt{5}(t - 3)$</p>	<p>1</p> <p>0.25</p>

	$\Leftrightarrow \begin{cases} t \leq -1 \\ t > 3 \\ (t+1)(t-3) > 5(t-3)^2 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} t \leq -1 \\ 3 < t < 4 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} \log_2 x \leq -1 \\ 3 < \log_2 x < 4 \end{cases}$	0.5
	$\Leftrightarrow \begin{cases} 0 < x \leq \frac{1}{2} \\ 8 < x < 16 \end{cases}$ <p>Vậy BPT đã cho có tập nghiệm là: $(0; \frac{1}{2}] \cup (8; 16)$</p>	0.25
Câu III	<p>Tìm $x \in (0; \pi)$ thoả mãn ph-ong trình:</p> $\text{Cot } x - 1 = \frac{\cos 2x}{1 + \tan x} + \sin^2 x - \frac{1}{2} \sin 2x.$	1
	<p>ĐK: $\begin{cases} \sin 2x \neq 0 \\ \sin x + \cos x \neq 0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} \sin 2x \neq 0 \\ \tan x \neq -1 \end{cases}$</p> <p>Khi đó pt $\Leftrightarrow \frac{\cos x - \sin x}{\sin x} = \frac{\cos 2x \cdot \cos x}{\cos x + \sin x} + \sin^2 x - \sin x \cos x$</p> $\Leftrightarrow \frac{\cos x - \sin x}{\sin x} = \cos^2 x - \sin x \cos x + \sin^2 x - \sin x \cos x$	0.25
	$\Leftrightarrow \cos x - \sin x = \sin x(1 - \sin 2x)$ $\Leftrightarrow (\cos x - \sin x)(\sin x \cos x - \sin^2 x - 1) = 0$ $\Leftrightarrow (\cos x - \sin x)(\sin 2x + \cos 2x - 3) = 0$ $\Leftrightarrow \cos x - \sin x = 0 \Leftrightarrow \tan x = 1 \Leftrightarrow x = \frac{\pi}{4} + k\pi (k \in \mathbb{Z}) \text{ (tm)}$ $x \in (0; \pi) \Rightarrow k = 0 \Rightarrow x = \frac{\pi}{4}$	0.25
	<p>KL:</p>	0.5
Câu IV	<p>Tính tích phân : $I = \int_0^{\frac{\pi}{2}} \cos^2 x \cos 2x dx$</p>	1
	$I = \int_0^{\frac{\pi}{2}} \cos^2 x \cos 2x dx = \frac{1}{2} \int_0^{\frac{\pi}{2}} (1 + \cos 2x) \cos 2x dx = \frac{1}{4} \int_0^{\frac{\pi}{2}} (1 + 2 \cos 2x + \cos 4x) dx$	0.5
	$= \frac{1}{4} (x + \sin 2x + \frac{1}{4} \sin 4x) \Big _0^{\pi/2} = \frac{\pi}{8}$	0.5
Câu V	<p>Cho hình chóp $S.ABC$ có $AB = AC = a$, $BC = \frac{a}{2}$, $SA = a\sqrt{3}$, $\text{SAB} = \text{SAC} = 30^\circ$.</p> <p>Gọi M là trung điểm SA, chứng minh $SA \perp (MBC)$. Tính V_{SMBC}</p>	1

	 <p>Theo định lí côsin ta có: $SB^2 = SA^2 + AB^2 - 2SA.AB.\cos SAB = 3a^2 + a^2 - 2.a\sqrt{3}.a.\cos 30^0 = a^2$ Suy ra $SB = a$. Tương tự ta cũng có $SC = a$.</p> <p>Gọi M là trung điểm của SA, do hai tam giác SAB và SAC là hai tam giác cân nên $MB \perp SA, MC \perp SA$. Suy ra $SA \perp (MBC)$.</p> <p>Hai tam giác SAB và SAC có ba cặp cạnh tương ứng bằng nhau nên chúng bằng nhau. Do đó $MB = MC$ hay tam giác MBC cân tại M. Gọi N là trung điểm của BC suy ra $MN \perp BC$. Tương tự ta cũng có $MN \perp SA$.</p> $MN^2 = AN^2 - AM^2 = AB^2 - BN^2 - AM^2 = a^2 - \left(\frac{a}{4}\right)^2 - \left(\frac{a\sqrt{3}}{2}\right)^2 = \frac{3a^2}{16} \Rightarrow MN = \frac{a\sqrt{3}}{4}$ <p>Do đó $V_{S.MBC} = \frac{1}{3} SM . \frac{1}{2} MN . BC = \frac{1}{6} \cdot \frac{a\sqrt{3}}{2} \cdot \frac{a\sqrt{3}}{4} \cdot a = \frac{a^3}{32}$ (đvtt)</p>	<p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p> <p>0.25</p>
PHÂN RIÊNG CHO MỖI CHƯƠNG TRÌNH		3.00
Phần lời giải bài theo chương trình Chuẩn		
Câu VIa		2
1	Trong mặt phẳng tọa độ Oxy cho ΔABC có đỉnh $A(1;2)$, đường trung tuyến $BM: 2x + y + 1 = 0$ và phân giác trong $CD: x + y - 1 = 0$. Viết phương trình đường thẳng BC.	1
	 <p>Điểm $C \in CD: x + y - 1 = 0 \Rightarrow C(t; 1-t)$.</p> <p>Suy ra trung điểm M của AC là $M\left(\frac{t+1}{2}; \frac{3-t}{2}\right)$.</p>	0.25
	$M \in BM: 2x + y + 1 = 0 \Rightarrow 2\left(\frac{t+1}{2}\right) + \frac{3-t}{2} + 1 = 0 \Leftrightarrow t = -7 \Rightarrow C(-7; 8)$	0.25

	<p>Từ $A(1;2)$, kẻ $AK \perp CD: x + y - 1 = 0$ tại I (điểm $K \in BC$).</p> <p>Suy ra $AK: (x-1) - (y-2) = 0 \Leftrightarrow x - y + 1 = 0$.</p> <p>Tọa độ điểm I thỏa hệ: $\begin{cases} x + y - 1 = 0 \\ x - y + 1 = 0 \end{cases} \Rightarrow I(0;1)$.</p> <p>Tam giác ACK cân tại C nên I là trung điểm của AK \Rightarrow tọa độ của $K(-1;0)$.</p> <p>Đường thẳng BC đi qua C, K nên có phương trình: $\frac{x+1}{-7+1} = \frac{y}{8} \Leftrightarrow 4x + 3y + 4 = 0$</p>	0.25
	<p>Tam giác ACK cân tại C nên I là trung điểm của AK \Rightarrow tọa độ của $K(-1;0)$.</p> <p>Đường thẳng BC đi qua C, K nên có phương trình: $\frac{x+1}{-7+1} = \frac{y}{8} \Leftrightarrow 4x + 3y + 4 = 0$</p>	0.25
2	<p>Cho $P(x) = (1 + x + x^2 + x^3)^5 = a_0 + a_1x + a_2x^2 + a_3x^3 + \dots + a_{15}x^{15}$</p> <p>a) Tính $S = a_0 + a_1 + a_2 + a_3 + \dots + a_{15}$</p> <p>b) Tìm hệ số a_{10}.</p>	1
	<p>Ta có $P(1) = a_0 + a_1 + a_2 + a_3 + \dots + a_{15} = (1 + 1 + 1 + 1)^5 = 4^5$</p>	0.25
	<p>Ta có $P(x) = [(1 + x)(1 + x^2)]^5 = \sum_{k=0}^5 C_5^k x^k \cdot \sum_{i=0}^5 C_5^i (x^2)^i = \sum_{k=0}^5 \sum_{i=0}^5 C_5^k C_5^i x^{k+2i}$</p> <p>Theo gt ta có $\begin{cases} k + 2i = 10 \\ 0 \leq k \leq 5, k \in N \\ 0 \leq i \leq 5, i \in N \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} i = 3 \\ k = 4 \\ i = 4 \\ k = 2 \\ i = 5 \\ k = 0 \end{cases} \Rightarrow a_{10} = C_5^0 \cdot C_5^5 + C_5^2 \cdot C_5^4 + C_5^4 \cdot C_5^3 = 101$</p>	0.25
		0.5
CâuVII.a	<p>Trong không gian Oxyz cho hai điểm A (-1;3;-2), B (-3,7,-18) và mặt phẳng (P): $2x - y + z + 1 = 0$.Viết phương trình mặt phẳng chứa AB và vuông góc với mp (P).</p>	
	<p>Gọi (Q) là mặt phẳng cần tìm</p> <p>Ta có $\overline{AB} = (-2, 4, -16)$ cùng phương với $\vec{a} = (-1, 2, -8)$</p> <p>mp(P) có VTPT $\vec{n}_1 = (2, -1, 1)$</p>	0.25
	<p>Ta có $[\vec{n}_1, \vec{a}] = (6; 15; 3)$, Chọn VTPT của mặt phẳng (Q) là $\vec{n}_2 = (2, 5, 1)$</p>	0.5
	<p>Mp(Q) chứa AB và vuông góc với (P) đi qua A nhận $\vec{n}_2 = (2, 5, 1)$ là VTPT có pt là: $2(x + 1) + 5(y - 3) + 1(z + 2) = 0 \Leftrightarrow 2x + 5y + z - 11 = 0$</p>	0.25
	Phần lời giải bài theo chương trình Nâng cao	

Câu VI.b		2
1	Cho hình bình hành ABCD có diện tích bằng 4. Biết A(1;0), B(0;2) và giao điểm I của hai đường chéo nằm trên đường thẳng $y = x$. Tìm tọa độ đỉnh C và D..	1
	 <p>Ta có: $\overline{AB} = (-1; 2) \Rightarrow AB = \sqrt{5}$. Phương trình của AB là: $2x + y - 2 = 0$. $I \in (d): y = x \Rightarrow I(t; t)$. I là trung điểm của AC và BD nên ta có: $C(2t - 1; 2t), D(2t; 2t - 2)$.</p>	0.5
	<p>Mặt khác: $S_{ABCD} = AB \cdot CH = 4$ (CH: chiều cao) $\Rightarrow CH = \frac{4}{\sqrt{5}}$.</p> <p>Ngoài ra: $d(C; AB) = CH \Leftrightarrow \frac{ 6t - 4 }{\sqrt{5}} = \frac{4}{\sqrt{5}} \Leftrightarrow \begin{cases} t = \frac{4}{3} \Rightarrow C\left(\frac{5}{3}; \frac{8}{3}\right), D\left(\frac{8}{3}; \frac{2}{3}\right) \\ t = 0 \Rightarrow C(-1; 0), D(0; -2) \end{cases}$</p> <p>Vậy tọa độ của C và D là $C\left(\frac{5}{3}; \frac{8}{3}\right), D\left(\frac{8}{3}; \frac{2}{3}\right)$ hoặc $C(-1; 0), D(0; -2)$</p>	0.25 0.25
2	Cho $P(x) = (1 + x + x^2 + x^3)^5 = a_0 + a_1x + a_2x^2 + a_3x^3 + \dots + a_{15}x^{15}$ a) Tính $S = a_0 + a_1 + a_2 + a_3 + \dots + a_{15}$ b) Tìm hệ số a_{10} .	1
	Ta có $P(1) = a_0 + a_1 + a_2 + a_3 + \dots + a_{15} = (1 + 1 + 1 + 1)^5 = 4^5$	0.25
	<p>Ta có $P(x) = [(1 + x)(1 + x^2)]^5 = \sum_{k=0}^5 C_5^k x^k \cdot \sum_{i=0}^5 C_5^i (x^2)^i = \sum_{k=0}^5 \sum_{i=0}^5 C_5^k C_5^i x^{k+2i}$</p> <p>Theo gt ta có $\begin{cases} k + 2i = 10 \\ 0 \leq k \leq 5, k \in N \\ 0 \leq i \leq 5, i \in N \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} i = 3 \\ k = 4 \\ i = 4 \\ k = 2 \\ i = 5 \\ k = 0 \end{cases} \Rightarrow a_{10} = C_5^0 \cdot C_5^5 + C_5^2 \cdot C_5^4 + C_5^4 \cdot C_5^3 = 101$</p>	0.25 0.25
Câu VII.b	Cho hàm số $y = \frac{x^2 - 2x + 2}{x - 1}$ (C) và $d_1: y = -x + m, d_2: y = x + 3$. Tìm tất cả các giá trị của m để (C) cắt d_1 tại 2 điểm phân biệt A, B đối xứng nhau qua d_2 .	1
	* Hoàn chỉnh độ giao điểm của (C) và d_1 là nghiệm của phương trình :	0.5

	$\frac{x^2 - 2x + 2}{x - 1} = -x + m$ $\Leftrightarrow 2x^2 - (3+m)x + 2+m = 0 \quad (x \neq 1) \quad (1)$ <p>d_1 cắt (C) tại hai điểm phân biệt \Leftrightarrow p trình (1) có hai nghiệm phân biệt khác 1</p> $\Leftrightarrow \begin{cases} 2 - 3 - m + 2 + m \neq 1 \\ m^2 - 2m - 7 > 0 \end{cases} \Leftrightarrow m^2 - 2m - 7 > 0 \quad (*)$	
	<p>Khi đó (C) cắt (d_1) tại $A(x_1; -x_1+m); B(x_2; -x_2+m)$ (Với x_1, x_2 là hai nghiệm của (1))</p> <p>* $d_1 \perp d_2$ theo giả thiết \Rightarrow Để A, B đối xứng nhau qua $d_2 \Leftrightarrow P$ là trung điểm của AB</p> <p>Thì P thuộc d_2 Mà $P(\frac{x_1 + x_2}{2}; -\frac{x_1 + x_2}{2} + m) \Rightarrow P(\frac{m+3}{4}; \frac{3m-3}{4})$</p> <p>Vậy ta có $\frac{3m-3}{4} = \frac{m+3}{4} + 3 \Leftrightarrow m = 9$ (thoả mãn (*))</p> <p>Vậy $m = 9$ là giá trị cần tìm.</p>	0.5

Chú ý : - Học sinh làm cách khác đúng cho điểm tối đa từng phần
 - Có gì ch- a đúng xin các thầy cô sửa dùm □ Xin cảm ơn

Ng- ời ra đề : Mai Thị Thìn

===== Hết =====